ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 713/QĐ-UBND	*Phước Thành, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/12/2024;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026-TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thành về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành;

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thành về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành;

Căn cứ Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thành về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành;

Trên cơ sở Báo cáo số 11/KQTT-GHP ngày 07/8/2026 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Gia Hợp Phát về việc báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành; Công văn số 64/PKT-ĐTC ngày 10/8/2026 của Phòng Kinh tế xã về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành và xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 187/TTr-PKT ngày 11/8/2026 về việc phê duyệt dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế: 05 năm.

3. Mã định danh: Theo quy định của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

4. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Phước Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Thành.

6. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phước Thành.

7. Nhà thầu Tư vấn khảo sát địa hình dự án: Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Quách Đông Triều. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701847752 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/4/2011; thay đổi lần 6 ngày 18/02/2025.

- Nhà thầu Tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng An Bình An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702033040 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 18/4/2012; thay đổi lần 6 ngày 27/3/2025.

- Nhà thầu Tư vấn thẩm tra hồ sơ Báo cáo kinh kế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Gia Hợp Phát. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702613002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/10/2017.

8. Mục tiêu dự án

- Giải quyết tình hình giao thông khó khăn, nâng cao khả năng giao thông, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường sạch đẹp.

- Cải thiện môi trường sống cho nhân dân trong khu vực, góp phần nâng cao tỷ lệ cứng hóa các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã.

- Đáp ứng nhu cầu đi lại, sinh hoạt của học sinh và nhân dân trong khu vực được thuận lợi hơn.

- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

Cấp đường thiết kế tương ứng với đường GTNT cấp C theo TCVN 10380-2014.

- Tải trọng trục xe thiết kế: Trục xe tiêu chuẩn 2.5 tấn
- Vận tốc thiết kế 15 Km/h
- Bán kính tối thiểu: 15m
- Độ dốc dọc tối đa: 9%
- Chiều dài dốc tối đa: 300m
- Tổng chiều dài tuyến: 9964,38m
- Tuyến đường Bàu Cây Cám 674,19m

Từ lý trình Km 0 + 00 đến lý trình Km 0 + 320

+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm

Từ lý trình Km 0 + 320 đến lý trình Km 0 + 674.19

+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.

+ Vét hữu cơ nền đường dày 20cm
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm
- Tuyến đường Quân Đội 2943,96m
+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm
- Tuyến đường Bàu Đôi nhánh 1 153,21m
+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Vét hữu cơ nền đường dày 20cm
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm
- Tuyến đường Bàu Đôi nhánh 2 153,78m
+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Vét hữu cơ nền đường dày 20cm
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm
- Tuyến đương Suối Đá Bàn 2261,62m
+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm
- Tuyến đường Hố Đá 3061,93m
+ Bề rộng mặt đường: 7m
+ Bề rộng nền đường 9m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm
- Tuyến đường Suối Nhỏ 715,69m
+ Bề rộng mặt đường: 6m
+ Bề rộng nền đường: 8m
+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc 2 mái 3%.
+ Kết cấu mặt đường: Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

10.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

10.2. danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Chi tiết đính kèm Phụ lục.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng: 18.836.376.295 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	15.603.795.399 đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	440.073.841 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.705.521.755 đồng
+ Chi phí khác:	190.015.000 đồng
+ Chi phí dự phòng:	896.970.300 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: giai đoạn 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Thành phố.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án theo quy định.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Đầu tư xây dựng công trình trên phạm vi đường hiện hữu, kết hợp vận động Nhân dân tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để mở rộng đường, công trình theo quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư, Phòng Kinh tế xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức triển khai thực hiện dự án đúng mục tiêu, quy mô, nguồn vốn, thời gian thực hiện được phê duyệt; tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, quản lý chi phí, đấu thầu, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền hoặc làm thay đổi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện dự án thì Chủ đầu tư, Phòng Kinh tế có trách nhiệm báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Thông

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01
Danh mục Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng Dự án: Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sỏi đỏ trên địa bàn xã Phước Thành

(Đính kèm Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thành)

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	**Áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế**	
1.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07:2023/BXD
2.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.	QCVN41:2024/BGTVT
3.	Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
4.	Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô (*tham khảo*).	TCVN 4054:2005
5.	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
6.	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000	Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT
7.	Quy trình khảo sát đường ôtô.	TCCS 31:2020/TCĐBVN
8.	Quy trình khảo sát và thiết kế đường ôtô trên nền đất yếu.	TCCS 41 : 2022/TCĐBVN
9.	Quy trình thiết kế áo đường mềm.	TCCS 38:2022/TCĐBVN
10.	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
11.	Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT	TCVN 5574:2012
12.	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957:2023
13.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và Lan can phòng hộ - kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
II	**Yêu cầu đối với vật liệu**	

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
14.	Cát đổ bê tông xi măng	TCVN 7570-2006
15.	Đá dăm đổ bê tông xi măng	TCVN 7570-2006
16.	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
17.	Xi măng poóc lăng	TCVN 2682:2020
18.	Nước đổ bê tông xi măng	TCVN 4506:2012
19.	Cốt thép thường	TCVN 1651-1:2018; TCVN 1651-2:2018
20.	Cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2023
21.	Đất cấp 3	TCVN 8857:2011
22.	Cống hộp BTCT	TCVN 9116:2012
23.	Cống tròn BTCT	TCVN 9113:2012
24.	Thép hình cán nóng	TCVN 7571:2019
25.	Ống nhựa PVC	TCVN 6151:1996 ISO 4422:1996
26.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
27.	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335:2014
III	**Yêu cầu khi kiểm tra và nghiệm thu**	
28.	Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa.	TCVN 13567-1:2022
29.	Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu các lớp kết cấu áo đường bằng cấp phối thiên nhiên.	TCVN 8857:2011
30.	Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu.	TCVN 4447 : 2012
31.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
32.	Cầu và cống - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS: 05:2012/TCĐBVN
33.	Quy trình thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép	TCVN 9115 : 2019

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
34.	Bê tông khối lớn. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9341:2012
35.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu.	TCVN 4453:1995
36.	Bê tông - yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828-2011
37.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345-2012
38.	Ống Bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
39.	Cống hộp Bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
40.	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377-2012
41.	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng	TCVN 5308: 1991
42.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41: 2024/BGTVT
43.	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.	TCVN 9361:2012